

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung,
cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTHM; ĐKNKTT: Số 3/31, đường A, phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số 107/2B, đường B, phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh PMD; ĐKNKTT và trú tại: Số 3/31, đường A, phường A, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-8-2020, bản tự khai đề ngày 28-5-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị NTHM) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi (NTHM) và anh PMD kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014, quyển số 01/2014, ngày 04-3-2014).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách

và bất đồng về quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải, động viên vợ chồng rất nhiều nhưng không đem lại kết quả gì. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không có biện pháp để khắc phục nên cuối năm 2017 tôi đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên tôi (NTHM) đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh PMD.

Về con chung: Tôi (NTHM) và anh PMD có một con chung là D, sinh ngày 15-10-2014. Ly hôn, tôi (NTHM) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì tôi và anh PMD sẽ tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về tài sản: Tôi (NTHM) và anh PMD sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về phía bị đơn (anh PMD): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cũng đã hai lần tiến hành triệu tập (ngày 21-5-2021 và 02-6-2021) nhưng bị đơn không có mặt và cũng không gửi bản tự khai trình bày ý kiến của mình theo yêu cầu của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12-8-2021 và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên họp. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ vợ chồng: Chị NTHM được ly hôn với anh PMD.

- Về con chung: Giao cho chị NTHM trực tiếp nuôi con chung là D, sinh ngày 15-10-2014. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn (anh PMD) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường A, quận C nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTHM và anh PMD kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận C, Hải Phòng theo đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014, quyền số 01/2014, ngày 04-3-2014).

[4] Nguyên đơn (chị NTHM) trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống quá sâu sắc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng khắc phục nên hai bên đã tự sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị NTHM khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh PMD.

[5] Về phía bị đơn (anh PMD): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án để bị đơn thực hiện việc trình bày bản tự khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên họp. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa chị NTHM và anh PMD có phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2017 và kéo dài cho đến nay nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Việc bị đơn (anh PMD) không có mặt theo triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến, quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứng tỏ bị đơn có ý thức bỏ mặc, không quan tâm và không muốn hàn gắn mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Do vậy cần xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị NTHM và anh PMD đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn (chị NTHM) là có căn cứ thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều

51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử: Nguyên đơn (chị NTHM) được ly hôn với bị đơn (anh PMD).

[7] Về con chung: Nguyên đơn trình bày vợ chồng có một con chung là D, sinh ngày 15-10-2014. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn sẽ do hai bên tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn không có ý kiến cụ thể về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Tại đơn trình bày đề ngày 06-7-2021 cháu D nêu ý kiến có nguyện vọng muốn được sinh sống cùng mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn (chị NTHM) được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do nguyên đơn không có yêu cầu và bị đơn không có ý kiến về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[10] Về tài sản chung: Các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị NTHM được ly hôn với anh PMD.

- Về con chung: Giao cho chị NTHM trực tiếp nuôi dưỡng con chung là D, sinh ngày 15-10-2014. Thời hạn nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị NTHM phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010251 ngày 18-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị NTHM đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường A;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Kiên